

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CẤP NƯỚC GIA ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **163**/GD-TCHC

TP. Hồ Chí Minh, ngày **23** tháng **01** năm ...2019

CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG

**Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội**

1. Tên tổ chức: *Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Định*

- Mã chứng khoán: *GDW*

- Địa chỉ: *2Bis Nơ Trang Long, Phường 14, quận Bình Thạnh, Hồ Chí Minh*

- Điện thoại liên hệ: 028.38412656

Fax: 028.38418524

- E-mail: *gd@capnuocgiadinh.vn*

2. Nội dung thông tin công bố:

Công bố thông tin bất thường 24h về việc nhận được Thông báo kết quả kiểm toán của Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Định.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 23/01/2019 tại đường dẫn :www.capnuocgiadinh.vn (vào mục Tin cổ đông).

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

*** Tài liệu đính kèm:**

- Công văn số 151/CV-GĐ-KTTC ngày 23/01/2019;
- Biên bản giao nhận Thông báo kết quả kiểm toán của Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Định;
- Thông báo kết quả kiểm toán của Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Định;

Đại diện tổ chức
Người đại diện theo pháp luật
GIAM ĐỐC



(Signature)
NGUYỄN VĂN ĐĂNG

Số: **151**/CV -GD - KTTC

TP.HCM, ngày 23 tháng 01 năm 2019

V/v: “Công bố thông tin bất thường”

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước
- Sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội

1-Căn cứ Quyết định số 1903/QĐ-KTNN ngày 11/09/2018 về việc kiểm toán Báo cáo Tài chính, các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn, tài sản nhà nước năm 2017 của Tổng công ty cấp nước Sài Gòn - TNHH MTV và các đơn vị thành viên, trong đó có Công ty cổ phần cấp nước Gia Định.

2-Qua thời gian kiểm toán, đến ngày 23/01/2019 Công ty cổ phần cấp nước Gia Định (theo Biên bản giao nhận thông báo kết quả kiểm toán và dấu công văn đến là ngày 23/01/2019) mới nhận được thông báo Kết quả kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2017 của công ty cổ phần cấp nước Gia Định số 19/TB-KV IV đề ngày 08/01/2019 của Kiểm toán Nhà nước khu vực IV.

3-Theo kết luận của Kiểm toán Nhà nước khu vực IV công ty cổ phần cấp nước Gia Định phải thực hiện điều chỉnh số liệu trên sổ kế toán và Báo cáo tài chính năm 2017 theo kết quả kiểm toán tại Báo cáo kiểm toán. Công ty cổ phần cấp nước Gia Định sẽ điều chỉnh trong thời gian sớm nhất.

Vậy công ty cổ phần cấp nước Gia Định xin công bố thông tin bất thường này đến Ủy ban chứng khoán Nhà nước, sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội biết

(Đính kèm Thông báo kết quả Kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước Khu vực IV)



NGUYỄN VĂN ĐĂNG

Nơi nhận:

- Nhu trên
- KTTC
- Lưu (Hg 5)



Cộng hòa xã hội Chủ Nghĩa Việt Nam
Độc lập - Tự Do - Hạnh phúc

Biên Bản Giao Nhận
Thông báo kết quả kiểm toán
của Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Định.

Hôm nay ngày 23/01/2019, tại Văn phòng Kiểm toán Khu vực IV chúng
tôi gồm:

- 1) Ông Phùng Văn Quang: tổ trưởng tổ kiểm toán tại Công ty CP
Cấp nước Gia Định.
- 2) Ông Hoàng Văn Hưng: Kế toán trưởng Công ty CP Cấp nước Gia Định.

Cung tiến hành giao nhận Biên Bản Thông báo kiểm toán tại
Công ty Cổ phần cấp nước Gia Định do Kiểm toán Nhà nước
Khu vực IV ban hành số 19/TB-KV IV ngày 08/01/2019.

Đại diện bên nhận

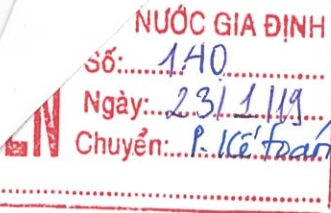
Hoàng Văn Hưng

Đại diện bên giao

Phùng Văn Quang

Số: 19/TB-KV IV

TP. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 01 năm 2019



**THÔNG BÁO KẾT QUẢ KIỂM TOÁN
TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC GIA ĐỊNH**

Kính gửi: Giám đốc Công ty CP Cấp nước Gia Định

Thực hiện Quyết định số 1931/QĐ-KTNN ngày 14/9/2018 của Tổng Kiểm toán nhà nước về việc kiểm toán Báo cáo tài chính, các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn và tài sản nhà nước năm 2017 của Tổng công ty Cấp nước Sài Gòn - TNHH MTV, Tổ Kiểm toán nhà nước đã tiến hành kiểm toán tại Công ty CP Cấp nước Gia Định từ ngày 17 tháng 09 năm 2018 đến ngày 27 tháng 09 năm 2018.

Căn cứ kết quả kiểm toán tại Biên bản kiểm toán của Tổ kiểm toán và Báo cáo kiểm toán của Đoàn Kiểm toán, Kiểm toán nhà nước khu vực IV thông báo kết luận và kiến nghị kiểm toán đối với Công ty CP Cấp nước Gia Định để đơn vị biết và tổ chức thực hiện như sau:

I. KẾT LUẬN KIỂM TOÁN

Các kết quả kiểm toán về số liệu, nhận xét, đánh giá được thể hiện trong Biên bản kiểm toán của Tổ kiểm toán đã được ký với đơn vị ngày 10 tháng 12 năm 2018 và xác nhận số liệu quyết toán theo các Phụ lục 03,04,05/BCKT-DN kèm theo.

Sau đây là một số kết luận chủ yếu sau:

1. Về tính đúng đắn, trung thực của Báo cáo tài chính

Ngoại trừ những ảnh hưởng của phần giới hạn kiểm toán, xét trên khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính năm 2017 của Công ty CP Cấp nước Gia Định sau khi điều chỉnh theo kết quả kiểm toán của KTNN, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31/12/2017 và kết quả hoạt động kinh doanh, nghĩa vụ với ngân sách nhà nước năm 2017.

2. Về chấp hành pháp luật, chính sách, chế độ tài chính, kế toán và quản lý, sử dụng vốn, tiền và tài sản nhà nước

Công tác quản lý tài chính, kế toán được Công ty thực hiện theo quy định của Luật doanh nghiệp; Các quy định về thuế, chuẩn mực kế toán và các văn bản quản lý nhà nước có liên quan; Các quy chế quản lý nội bộ do công ty xây dựng, ban hành và thực hiện. Tuy nhiên, việc quản lý, sử dụng vốn, tài sản, doanh thu, chi phí và thực hiện nghĩa vụ với NSNN có một số tồn tại chủ yếu sau:

(1) Công tác quản lý nợ phải thu Cuối kỳ, đơn vị đã thực hiện đối chiếu xác đạt 83%. Một số khoản phải thu tiền nước và sửa chữa ống bể khách hàng đã thanh toán, đơn vị cũng đã hạch toán chi phí trong kỳ nhưng chưa ghi nhận doanh thu, cụ thể

+ Công ty đã nhận tiền bồi thường "Di dời hệ thống cấp nước trong phạm vi công trình" QL 13 - Đinh Bộ Lĩnh công trình đã thực hiện xong 70% giá trị hợp đồng (khách hàng đã thanh toán 100%), tương ứng 3.687.629.400 đồng, Công ty chưa ghi nhận doanh thu.

+ Công nợ phải thu công trình Lắp đặt đồng hồ tổng trên địa bàn TP.HCM – Khu vực Công ty CP cấp nước Phú Hòa Tân, Gia Định, giá trị hợp đồng: 710.171.326 đồng, Tổng công ty đã tạm ứng: 142.034.000 đồng. Công trình được nghiệm thu đưa vào sử dụng năm 2012. Đơn vị đã lập hồ sơ quyết toán và gửi Tổng công ty với tổng giá trị quyết toán: 513.273.000 đồng, tuy nhiên đến thời điểm kiểm toán Tổng công ty chưa thực hiện quyết toán; chi phí công trình đã được hạch toán vào chi phí của những năm trước, nhưng chưa ghi nhận doanh thu

+ Công trình lắp đặt đồng hồ tổng mạng lưới Đông Tây đợt 1,2,3: Tổng giá trị hợp đồng là 558.750.223 đồng Công ty đã lắp đặt xong 03/6 đồng hồ tổng và đưa vào sử dụng năm 2015, 2016. Đơn vị đã lập hồ sơ quyết toán công trình và gửi Tổng công ty năm 2016 với tổng giá trị quyết toán: 527.401.324 đồng, chưa ghi nhận doanh thu.

(2) Quản lý hàng tồn kho: Qua kiểm toán đã điều chỉnh tăng chi phí SXKD dở dang số tiền 1.427 triệu đồng do chi phí giảm thất thoát nước nghiệm thu năm 2018 nhưng hạch toán và quyết toán vào chi phí bán hàng năm 2017. Ngoài ra qua kiểm toán đã kết chuyển chi phí công trình di dời hệ thống cấp nước trong phạm vi công trình" QL 13 - Đinh Bộ Lĩnh, quận Bình Thạnh 1.443 triệu đồng do công trình đã được nghiệm thu.

(3) Kiểm toán TSCĐ hữu hình: Qua kiểm toán trong năm đơn vị có hạch toán vào chi phí 188 triệu đồng khoản mua tai nghe mang tính chất TSCĐ do đó Kiểm toán điều chỉnh tăng TSCĐ (điều chỉnh giảm chi phí bán hàng), đồng thời tăng trích khấu hao bộ tai nghe thu âm mặt đất: 37 triệu đồng; khoản chi phí lắp đặt thiết bị thu nhập dữ liệu Datalogger số tiền 415 triệu đồng, do thiết bị này có tính chất là TSCĐ nên Kiểm toán điều chỉnh giảm chi phí QLDN tương ứng với việc tăng TSCĐ, đồng thời tăng mức trích khấu hao 9 triệu đồng. Mặt khác trong năm đơn vị đã hạch toán vào chi phí bán hàng (chi phí giảm thất thoát nước) một số công trình mang tính chất đầu tư XDCB (sửa chữa lớn đường ống nước có đường kính 180mm đến 280mm), kiểm toán xác định chuyển sang TSCĐ (thiết bị phương tiện truyền dẫn) số tiền 1.733,6 triệu đồng.

(4) Đối với bất động sản đầu tư: Nguyên giá 2.259,5 triệu đồng, khấu hao lũy kế đến 31/12/2017 là 2.024 triệu đồng. Đây là quyền sử dụng đất Nhà nước cho đơn vị thuê trả tiền thuê đất hàng năm, nhưng Công ty đã cho Cty CP Đầu tư Xây dựng và PT Hạ tầng Nam Sài Gòn thuê lại một phần, không phải là tài sản của đơn vị có thể bán trong tương lai nên không thuộc bất động sản đầu tư. Do đó, Kiểm toán điều chỉnh giảm bất động sản đầu tư, tăng nguyên giá TSCĐ hữu hình và tăng khấu hao lũy kế tương ứng.

(5) Đối với TSCĐ vô hình: Nguyên giá 5.332 triệu đồng, đã khấu hao lũy kế 3.999,9 triệu đồng.

(6) Quản lý nợ phải trả: Đơn vị có các biên bản đối chiếu xác nhận công nợ cuối năm đối với các nhà cung cấp có số dư lớn, tỉ lệ có đối chiếu vào cuối năm 2017

là 65%. Đối với khoản người mua trả tiền trước có số dư cuối năm 6.615,9 triệu đồng, qua kiểm toán có điều chỉnh giảm do tăng thu nhập khác tiền bồi thường GPMB đã được Ban quản lý dự án thoát nước đô thị Thành phố chuyển tiền và đã được nghiệm thu 70% giá trị công trình số tiền 3.687,6 triệu đồng, ngoài ra qua kiểm toán đã điều chỉnh kết chuyển vào doanh thu do chưa hạch toán tiền bán nước và lắp đặt đồng hồ nước của một số khách hàng từ các năm trước số tiền 289 triệu đồng.

(7) Quản lý doanh thu, chi phí: Công ty áp giá bán cho đối tượng sử dụng nước chưa đúng theo mã giá biểu tiền nước và theo Mục 2 Điều 2 của Quyết định số 103/2009/QĐ- UBND, ngày 24/12/2009 của UBND Tp. Hồ Chí Minh, qua kiểm toán đã điều chỉnh tăng doanh thu: 141,9 triệu đồng.

- Đối với Thu nhập khác: Qua kiểm toán xác định tăng thêm 3.180 triệu đồng là khoản thu tiền bồi thường GPMB đơn vị đã thực hiện xong 70% giá trị Công trình, Lắp đặt đồng hồ tổng trên địa bàn TP.HCM – Khu vực Công ty CP cấp nước Phú Hòa Tân, Gia Định, Chi nhánh Cấp nước Tân Hòa, điều chỉnh giảm do truy thu tiền cho thuê mặt bằng...

- Qua kiểm tra chi phí giảm nước thất thoát chủ yếu sửa chữa ống mục, ống nghẹt có giá trị lớn có đường ống đường kính từ 180 đến 280mm mang tính chất đầu tư xây dựng cơ bản nhưng Công ty hạch toán toàn bộ vào chi phí là chưa phù hợp. Kiểm toán xác định giảm chi phí chuyển sang TSCĐ (TK2113) số tiền là 1.733,6 triệu đồng; điều chỉnh giảm chi phí bán hàng do sửa chữa các ống mục nghiệm thu và quyết toán năm 2018 nhưng hạch toán vào chi phí năm 2017 số tiền 1.427 triệu đồng chuyển sang TK 154. Tổng cộng điều chỉnh giảm chi phí bán hàng TK 6416 là 3.160,6 triệu đồng.

- Kiểm toán chi phí khác: Qua kiểm toán xác định giảm số tiền: 614.974.052 đồng, là chi phí sửa chữa trụ cứu hỏa vốn NSNN, chứng từ chưa được đủ, chưa hợp pháp, hợp lệ.

(8) Việc thực hiện nghĩa vụ NSNN: Qua kiểm toán điều chỉnh tăng khoản phải nộp nhà nước 5.819.743.284 đồng, gồm:

+ Thuế GTGT phải nộp tăng thêm: 126.459.678 đồng là do đơn vị áp sai đơn giá nước 6.173.640 đồng; thuế GTGT tiền CT lắp đặt ĐHT khu vực Phú Hòa Tân và mạng lưới đông tây là 94.788.575 đồng; điều chỉnh tăng thuế GTGT do tăng doanh thu tiền bán nước và lắp đặt đồng hồ nước các năm trước nhưng chưa kết chuyển doanh thu số tiền 25.679.282 đồng.

+ Phí bảo vệ môi trường còn phải nộp là: 12.347.280 đồng chủ yếu do đơn vị áp sai đơn giá nước.

+ Tăng thuế TNDN phải nộp năm 2016 số tiền 1.386.265.593 đồng do xác định lại thuế TNDN ưu đãi đầu tư, đơn vị xác định ưu đãi đầu tư trên toàn bộ doanh thu bán nước là không đúng theo quy định. Tương tự tăng thuế TNDN phải nộp năm 2017 số tiền 2.841.081.662 đồng do xác định lại thuế TNDN ưu đãi đầu tư, tăng doanh thu, giảm chi phí tương ứng

+ Ngoài ra khoản phải nộp khác kiểm toán xác định tăng thêm 1.453.589.070 đồng tiền cho thuê mặt bằng...

(6) Về tình hình quản lý và sử dụng đất đai: Khu đất tại địa chỉ số 02 Bí Nơ Trang Long, Phường 14, quận Bình Thạnh, Công ty đang cho Công ty CP Đầu tư Xây dựng và Phát triển hạ tầng Nam Sài Gòn thuê lại một phần diện tích đất thuê tại khu đất trên với tổng diện tích sàn cho thuê 906 m² gồm 1 trệt 2 lầu, giá cho thuê 72.000.000 đồng/tháng chưa tính 10% thuế GTGT. Đơn vị chưa thực hiện đúng quy định tại Khoản 2 Điều 19 Nghị định 102/NĐ-CP ngày 10/11/2014 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai. Qua kiểm toán đã xác định tăng số phải nộp NSNN số tiền 1.453.589.070 đồng đồng do Công ty cho đơn vị khác thuê lại...

3. Về tính kinh tế, hiệu lực, hiệu quả trong quản lý, sử dụng vốn, tiền và tài sản nhà nước

Đánh giá tính hiệu quả việc quản lý, sử dụng vốn, tiền và tài sản nhà nước thông qua một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu: tỷ suất lợi nhuận trước thuế/ doanh thu năm 2017 tăng 2,55% so năm 2016, tỷ suất lợi nhuận trước thuế/tổng tài sản tăng 3,23% so năm 2016, Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn đầu tư chủ sở hữu năm 2017 giảm 6,03% so năm 2016. Qua chỉ tiêu vừa phân tích cho thấy hoạt động kinh doanh của công ty năm 2017 bảo đảm được hiệu quả, bảo toàn được vốn.

II. KIẾN NGHỊ

1. Đối với Công ty CP Cấp nước Gia Định

1.1. Thực hiện điều chỉnh số liệu trên sổ kế toán và Báo cáo tài chính theo kết quả kiểm toán tại Báo cáo kiểm toán.

1.2. Kiến nghị xử lý tài chính theo kết quả kiểm toán

- Đề nghị Công ty nộp ngân sách Nhà nước số tiền thuế 5.819.743.284 đồng do Kiểm toán Nhà nước xác định tăng thêm, cụ thể:

+ Thuế GTGT phải nộp tăng thêm	126.459.678 đồng
+ Thuế TNDN phải nộp tăng thêm	4.227.347.255 đồng
<i>Năm 2016</i>	<i>1.386.265.593 đồng</i>
<i>Năm 2017</i>	<i>2.841.081.662 đồng</i>

+ Phí Bảo vệ môi trường phải nộp tăng thêm 12.347.280 đồng

+ Tiền thuê đất phải nộp truy thu thêm 1.453.589.070 đồng

1.3. Kiến nghị chấn chỉnh công tác quản lý tài chính, kế toán

- Áp đúng giá bán nước cho đối tượng sử dụng theo Quyết định số 103/2009/QĐ- UBND, ngày 24/12/2009 của UBND TP. HCM v/v điều chỉnh giá nước sạch trên địa bàn TP HCM.

- Đề nghị Công ty thu hồi lại diện tích khu đất 2Bis Nơ Trang Long, quận Bình Thạnh đang cho Công ty CP Đầu tư Xây dựng và Phát triển hạ tầng Nam Sài Gòn thuê lại một phần diện tích đất thuê không đúng quy định.

2. Đối với Tổng công ty Cấp nước Sài Gòn – TNHH MTV

(1) Chỉ đạo Công ty CP Cấp nước Gia Định thực hiện các kiến nghị của KTNN nêu tại Báo cáo này;

(2) Phối hợp với công ty để có phương án xử lý thu hồi phần diện tích cho thuê không đúng quy định.

(3) Đề nghị Tổng Công ty quyết toán 2 công trình: Lắp đặt đồng hồ tổng trên địa bàn TP.HCM – Khu vực Công ty CP cấp nước Phú Hòa Tân, Gia Định, Chi nhánh Cấp nước Tân Hòa và Công trình lắp đặt đồng hồ tổng mạng lưới Đông Tây đợt 1,2,3 theo đúng quy định.

Đề nghị Công ty CP Cấp nước Gia Định thực hiện nghiêm túc, kịp thời các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước và báo cáo kết quả thực hiện về Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – TNHH MTV và KTNN khu vực IV, địa chỉ 49 Pasteur, phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP.HCM trước ngày 31/03/2019. Trong Báo cáo kết quả thực hiện kiến nghị kiểm toán cần nêu rõ: những kiến nghị đã thực hiện; kiến nghị đang thực hiện; kiến nghị chưa thực hiện (*với những kiến nghị đã thực hiện cần ghi rõ tên bằng chứng, phôi kèm theo các chứng từ, tài liệu,... để chứng minh; với kiến nghị đang thực hiện và kiến nghị chưa thực hiện phải giải thích rõ lý do*). Khi đơn vị thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước, ghi chép chứng từ theo hướng dẫn tại Phụ lục 01a, 01b/HSKT-KTNN kèm theo

Thông báo này gồm 04 trang, từ trang 01 đến trang 04 và các Phụ lục số 01,02,03,04,05,06 và 02a, 06a, 06b/BCKT-DN là bộ phận không tách rời của Thông báo này. *Ma*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Vụ Tổng hợp;
- Vụ Chế độ và KSCLKT;
- Kiểm toán trưởng;
- Lưu: Đoàn Kiểm toán, VT.

KIỂM TOÁN TRƯỞNG



DANH MỤC CÔNG VĂN GỬI KHO BẠC NHÀ NƯỚC

TT	Công văn gửi KBNN		Tên đơn vị ban hành công văn	Tên kho bạc giao dịch	Đơn vị được kiểm toán thực
	Số và ký hiệu	Ngày			
1	2	3	4	5	6
1	966/KV IV - TH	20/12/18	Kiểm toán nhà nước khu vực IV	Kho bạc nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh	Tổng công ty Cấp nước Sài Gòn
2	965/KV IV - TH	20/12/18	Kiểm toán nhà nước khu vực IV	Kho bạc nhà nước Trung ương	Tổng công ty Cấp nước Sài Gòn

HƯỚNG DẪN GHI CHÉP CHỨNG TỪ THỰC HIỆN KIẾN NGHỊ KIỂM TOÁN CỦA KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC

Đối với kiến nghị tăng thu về thuế, phí, thu khác và các khoản chi sai,... nộp tại kho bạc nhà nước: Các chứng từ nộp tiền vào kho bạc nhà nước nơi đơn vị được kiểm toán giao dịch (giấy nộp tiền, ủy nhiệm chi, giấy nộp trả kinh phí, lệnh chuyển có,...), ngoài việc ghi rõ nội dung kiến nghị, số tiền cụ thể theo quy định, còn phải ghi rõ “Nộp NSNN thực hiện theo kiến nghị của KTNN niên độ ngân sách năm 2017 tại Báo cáo kiểm toán phát hành theo Công văn số 838/KTNN-TH ngày 28 tháng 12 năm 2018 và theo Công văn số 966/KV IV - TH ngày 20/12/2018 của Kiểm toán nhà nước khu vực IV gửi Kho bạc nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh đồng thời đánh dấu vào ô KTNN trên giấy nộp tiền vào NSNN. Đối với trường hợp kiến nghị cơ quan thuế xử phạt, truy thu thuế đối với các đơn vị: Quyết định xử phạt, truy thu của cơ quan quản lý thuế ghi rõ nội dung “xử phạt, truy thu theo kiến nghị của KTNN niên độ ngân sách năm 2017”; Giấy nộp tiền vào Ngân sách nhà nước ghi rõ: “Nộp tiền xử phạt, truy thu theo kiến nghị của KTNN niên độ ngân sách năm 2017. ”.

BẢNG TỔNG HỢP KIẾN NGHỊ TĂNG THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2017
Tại Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Định

STT	Chỉ tiêu Đơn vị được kiểm toán	Mã số thuế	Tổng số	Các khoản thuế		Các khoản phải nộp NSNN khác
				Thuế giá trị gia tăng	Thuế thu nhập doanh	
1	Công ty CP Cấp nước Gia Định	0304806225	5.819.743.284	126.459.679	4.227.347.255	1.465.936.350
	Tổng cộng (A+B)		5.819.743.284	126.459.679	4.227.347.255	1.465.936.350

man

THUYẾT MINH KIẾN NGHỊ TĂNG THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2017
Tại Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Định

Số TT	Đơn vị/Chỉ tiêu	Số tiền	Thuyết minh nguyên nhân	Ghi chú
I	Thuế GTGT đầu ra phải nộp	126.459.679		
	Công ty CP Cấp nước Gia Định	126.459.679	do tăng thuế GTGT đầu ra tương ứng tăng doanh thu do áp giá sai, tăng doanh thu lắp đặt....	
II	Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.227.347.255		
	Công ty CP Cấp nước Gia Định	4.227.347.255	Thuế TNDN năm 2016, 2017 phải nộp tăng thêm theo do tăng doanh thu, giảm chi phí theo kết quả kiểm toán, xác định tỷ lệ ưu đãi	
III	Các khoản phải nộp khác	1.465.936.350		
	Công ty CP Cấp nước Gia Định	1.465.936.350	Phí bảo vệ môi trường phải nộp tăng thêm do đơn vị áp sai giá bán nước, KTNN xác định lại; tiền cho thuê mặt bằng phải nộp NSNN	
	TỔNG CỘNG	5.819.743.284		

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TẠI NGÀY 31/12/2017 CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC GIA ĐỊNH

Đơn vị tính: đồng

TÀI SẢN	Mã số	Số báo cáo	Số kiểm toán	Chênh lệch
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100	95.977.417.075	95.344.107.718	(633.309.357)
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	57.099.494.194	57.099.494.194	
1. Tiền	111	44.099.494.194	44.099.494.194	
2. Các khoản tương đương tiền	112	13.000.000.000	13.000.000.000	
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	8.000.000.000	8.000.000.000	
1. Đầu tư ngắn hạn	121	8.000.000.000	8.000.000.000	
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	11.590.059.632	12.772.727.676	1.182.668.044
1. Phải thu khách hàng	131	4.748.615.090	5.931.283.134	1.182.668.044
2. Trả trước cho người bán	132	1.790.026.345	1.790.026.345	
3. Các khoản phải thu khác	135	6.771.345.093	6.771.345.093	
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139	(1.719.926.896)	(1.719.926.896)	
IV. Hàng tồn kho	140	13.992.754.679	12.176.777.278	(1.815.977.401)
1. Hàng tồn kho	141	13.992.754.679	12.176.777.278	(1.815.977.401)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150	5.295.108.570	5.295.108.570	-
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	1.678.318.923	1.678.318.923	
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	2.672.213.634	2.672.213.634	
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	944.576.013	944.576.013	
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200	186.157.968.707	189.875.150.483	3.717.181.776
I. Các khoản phải thu dài hạn	210	1.145.729.983	1.145.729.983	
1. Phải thu dài hạn khác	216	1.145.729.983	1.145.729.983	
2. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	
II. Tài sản cố định	220	179.602.546.475	182.128.008.948	2.525.462.473
1. TSCĐ hữu hình	221	178.270.264.544	180.795.727.017	2.525.462.473
- Nguyên giá	222	426.139.883.413	430.736.062.736	4.596.179.323
- Giá trị hao mòn	223	(247.869.618.869)	(249.940.335.719)	(2.070.716.850)
2. TSCĐ thuê tài chính	224			-
3. TSCĐ vô hình	227	1.332.281.931	1.332.281.931	
- Nguyên giá	228	5.332.194.624	5.332.194.624	
- Giá trị hao mòn	229	(3.999.912.693)	(3.999.912.693)	
III. Bất động sản đầu tư	240	235.300.273	-	(235.300.273)
- Nguyên giá	241	2.259.572.500	-	(2.259.572.500)
- Giá trị hao mòn	242	(2.024.272.227)	-	2.024.272.227
IV. Tài sản dở dang và dài hạn		4.789.961.006	6.216.980.582	1.427.019.576
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		4.789.961.006	6.216.980.582	1.427.019.576
VI. Tài sản dài hạn khác	260	384.430.970	384.430.970	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	384.430.970	384.430.970	
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	
3. Thiết bị, VTPT thay thế dài hạn	263		-	
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270	282.135.385.782	285.219.258.201	3.083.872.419
NGUỒN VỐN				
A. NỢ PHẢI TRẢ	300	135.202.350.959	136.429.593.284	1.227.242.325
I. Nợ ngắn hạn	310	101.268.593.046	102.495.835.371	1.227.242.325
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	71.897.738.098	71.897.738.098	-
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	6.615.977.382	2.638.450.476	(3.977.526.906)
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	3.927.146.584	9.746.889.867	5.819.743.283
4. Phải trả người lao động	314	10.740.002.496	10.740.002.496	

M&A

5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	2.571.204.931	1.956.230.879	(614.974.052)
10. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	321	4.382.186.772	4.382.186.772	
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	1.134.336.783	1.134.336.783	
II. Nợ dài hạn	330	33.933.757.913	33.933.757.913	
1. Phải trả dài hạn khác	333	407.455.062	407.455.062	
4. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	334	33.526.302.851	33.526.302.851	
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	146.933.034.823	148.789.664.917	1.856.630.094
I. Vốn chủ sở hữu	410	146.933.034.823	148.789.664.917	1.856.630.094
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	95.000.000.000	95.000.000.000	
2. Quỹ đầu tư phát triển	418	34.922.695.570	34.922.695.570	
3. Quỹ dự phòng tài chính	419			
4. Lợi nhuận chưa phân phối	421	17.010.339.253	18.866.969.347	1.856.630.094
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	-	-	
2. Nguồn kinh phí				
3. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ				
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440	282.135.385.782	285.219.258.201	3.083.872.419

Thuyết minh chênh lệch

I- TỔNG TÀI SẢN TĂNG

3.083.872.419

1- Phải thu khách hàng tăng

1.182.668.044

- Tăng doanh thu do áp sai đơn giá cho đối tượng sử dụng nước 141.993.720
- Giảm nợ phải thu do Lắp đặt đồng hồ tổng trên địa bàn TP.HCM – Khu vực Công ty CP cấp nước Phú Hòa Tân, Gia Định, Chi nhánh Cấp nước Tân Hòa 513.273.000
- Công trình lắp đặt đồng hồ tổng mạng lưới Đông Tây đợt 1,2,3 527.401.324

2- Hàng tồn kho giảm

-1.815.977.401

- Giảm hàng tồn kho do kết chuyển chi phí Công trình di dời hệ thống cấp nước -1.443.331.419
- Giảm hàng tồn kho do chi phí Lắp đặt đồng hồ tổng trên địa bàn TP.HCM – Khu vực Công ty CP cấp nước Phú Hòa Tân, Gia Định, Chi nhánh Cấp nước Tân Hòa -372.645.982

3. Tài sản cố định tăng

2.336.606.823

- Nguyên giá TSCĐ tăng do điều chỉnh giảm chi phí XD CB dở dang 1.733.606.823
- Nguyên giá TSCĐ tăng do điều chỉnh từ bất động sản đầu tư sang 2.259.572.500
- Nguyên giá TSCĐ giảm do điều chỉnh sang TSCĐ hữu hình -2.259.572.500
- Nguyên giá TSCĐ tăng do điều chỉnh giảm chi phí bán hàng sang TSCĐ thiết bị tai nghe 188.000.000
- Nguyên giá TSCĐ tăng do giảm chi phí quản lý DN do mua thiết bị thu nhận dữ liệu data chuyển sang TSCĐ 415.000.000

3. Khấu hao TSCĐ tăng

-46.444.623

- Tăng trích khấu hao TSCĐ do tăng nguyên giá thiết bị tai nghe -37.296.774
- Tăng trích khấu hao TSCĐ do tăng nguyên giá thiết bị thu nhận dữ liệu data -9.147.849
- Giảm trích khấu hao TSCĐ do điều chỉnh khấu hao TSCĐ bất động sản sang TSCĐ hữu hình 2.024.272.227
- Tăng trích khấu hao TSCĐ do điều chỉnh khấu hao TSCĐ bất động sản sang TSCĐ hữu hình -2.024.272.227

4. Chi phí XD CB dở dang tăng

1.427.019.576

- Nguyên giá TSCĐ tăng do giảm chi phí quản lý DN sửa chữa ống mương tính chất đầu tư XD CB chuyển sang TSCĐ 1.427.019.576

II- NGUỒN VỐN TĂNG	3.083.872.419
1. Người mua trước tiền trước	-3.977.526.906
- Giảm thu trả tiền trước khách hàng do tăng thu nhập khác tiền bồi thường GPMB	-3.687.629.400
- Giảm nợ phải thu do tăng doanh thu do chưa hạch toán tiền bán nước từ các năm trước và lắp đặt đồng hồ nước	-289.897.506
2- Thuế và các khoản phải nộp tăng (Xem chi tiết thuyết minh phần thuế)	5.819.743.283
3- Các khoản phải trả phải nộp khác tăng	614.974.052
- Tăng phải trả khác do điều chỉnh giảm chi phí trụ cứu hỏa	614.974.052
4- Lợi nhuận chưa phân phối tăng do tăng doanh thu, giảm chi phí và thuế phải nộp	1.856.630.094
- Lợi nhuận sau thuế tăng	3.242.895.687
Giảm do tăng thuế TNDN phải nộp năm 2016 theo kết quả kiểm toán	-1.386.265.593

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD NĂM 2017 CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC GIA ĐỊNH

Đơn vị tính: Đồng

CHỈ TIÊU	Mã	Số báo cáo	Số kiểm toán	Chênh lệch
A	B	1	2	3 = 2 - 1
1. Doanh thu	1	475.455.229.416	475.842.920.440	387.691.024
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2			
3. Doanh thu thuần	10	475.455.229.416	475.842.920.440	387.691.024
4. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	11	302.627.285.603	302.627.285.603	
5. Lợi nhuận gộp	20	172.827.943.813	173.215.634.837	387.691.024
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	1.222.896.371	1.222.896.371	
7. Chi phí tài chính	22	2.061.548.590	2.061.548.590	
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>				
8. Chi phí bán hàng	24	111.290.742.341	107.979.412.716	(3.311.329.625)
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	45.967.347.181	45.561.495.030	(405.852.151)
10. Lợi nhuận thuần từ HĐKD	30	14.731.202.072	18.836.074.872	4.104.872.800
11. Thu nhập khác	31	4.213.363.409	7.393.471.306	3.180.107.897
12. Chi phí khác	32	1.984.879.991	3.185.883.340	1.201.003.349
13. Lợi nhuận khác	40	2.228.483.418	4.207.587.966	1.979.104.548
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	16.959.685.490	23.043.662.839	6.083.977.349
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	1.144.807.836	3.985.889.498	2.841.081.662
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			
17. Lợi nhuận sau thuế	60	15.814.877.654	19.057.773.341	3.242.895.687

Thuyết minh chênh lệch

1- Điều chỉnh tăng doanh thu:

387.691.024

- Tăng doanh thu do áp sai đơn giá cho đối tượng sử dụng nước

123.472.800

- Tăng doanh thu do chưa hạch toán tiền bán nước từ các năm trước và lắp đặt đồng hồ nước

264.218.224

2- Điều chỉnh tăng thu nhập khác

3.180.107.897

- Tăng thu nhập khác tiền bồi thường GPMB đơn vị đã thực hiện 70% giá trị Công trình

3.687.629.400

- Lắp đặt đồng hồ tổng trên địa bàn TP.HCM – Khu vực Công ty CP cấp nước Phú Hòa Tân, Gia Định, Chi nhánh Cấp nước Tân Hòa

466.611.818

- Công trình lắp đặt đồng hồ tổng mạng lưới Đông Tây đợt 1,2,3

479.455.749

- Giảm thu khác do điều chỉnh truy thu tiền cho thuê mặt bằng

-1.453.589.070

3- Điều chỉnh chi phí**-2.516.178.427****3.1. Điều chỉnh giảm chi phí bán hàng****-3.311.329.625**

- Giảm giá chi phí bán hàng do chuyển sang TSCĐ

-1.733.606.823

- Giảm chi phí bán hàng do chi phí sửa chữa nghiệm thu năm 2018 quyết toán 2017

-1.427.019.576

- Giảm chi phí bán hàng do mua thiết bị tai nghe thu âm mặt đất của t/bị phát hiện rò rỉ chuyển sang TSCĐ

-188.000.000

- Tăng chi phí do trích khấu TSCĐ thiết bị tai nghe thu âm mặt đất khấu hao 5 năm	37.296.774
3.1. Điều chỉnh giảm chi phí doanh nghiệp	-405.852.151
- Giảm chi phí quản lý DN do mua thiết bị thu nhận dữ liệu data chuyển sang TSCĐ	-415.000.000
- Tăng chi phí do trích khấu TSCĐ thiết bị dữ liệu data	9.147.849
3.1. Điều chỉnh tăng chi phí khác	1.201.003.349
- Giảm chi phí lắp đặt trụ cứu hỏa do không có đầy đủ chứng từ (thời điểm trước Cổ phần hóa)	-614.974.052
- Tăng chi phí khác của chi phí bồi thường GPMB	1.443.331.419
- Tăng chi phí Lắp đặt đồng hồ tổng trên địa bàn TP.HCM – Khu vực Công ty CP cấp nước Phú Hòa Tân, Gia Định, Chi nhánh Cấp nước Tân Hòa	372.645.982
- Tăng phí phí (lãi phải trả) do chậm thanh toán Tổng Cty (Cty mẹ)	
4- Điều chỉnh tăng thuế TNDN phải nộp (Xem bảng tính thuế TNDN)	

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ NSNN TẠI CÔNG TY CP CẤP NƯỚC GIA ĐỊNH

Đơn vị tính: Đồng

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Số báo cáo</i>	<i>Số kiểm toán</i>	<i>Chênh lệch</i>
A	1	2	3=2-1
I. Thuế	74.060.753.150	79.880.496.433	5.819.743.283
1.Thuế GTGT	24.201.301.864	24.327.761.542	126.459.678
2.Thuế tiêu thụ đặc biệt			
3.Thuế xuất, nhập khẩu			
4.Thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2017	1.144.807.836	3.985.889.498	2.841.081.662
4.Thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2016	990.543.462	2.376.809.055	1.386.265.593
5.Thuế thu nhập cá nhân	1.137.180.845	1.137.180.845	
6.Thuế tài nguyên			
7.Thuế nhà đất và tiền thuê đất		-	
8.Các loại thuế khác			
9.Các khoản phí lệ phí và các khoản phải nộp khác	46.586.919.143	48.052.855.493	1.465.936.350
II.Các khoản phải nộp khác	-	-	-
1.Các khoản phụ thu			
2. Các khoản phí, lệ phí		-	
3. Các khoản khác		-	
Tổng cộng =I+II	74.060.753.150	79.880.496.433	5.819.743.283
III. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả			

Nguyên nhân chênh lệch

1- Thuế GTGT:**126.459.678**

- Áp sai giá nước thuế 5% GTGT đầu ra năm 2016 2.870.010
- Áp sai giá nước thuế 5% GTGT đầu ra năm 2017 3.303.630
- Tăng thuế GTGT 10% CT lắp đặt ĐHT khu vực Phú Hòa Tân và mạng lưới đồng tây 94.606.757
- Tăng thuế GTGT do tăng doanh thu tiền nước và đất đồng hồ nước các năm trước chưa hạch toán vào doanh thu 25.679.282

2- Thuế thu nhập doanh nghiệp:**4.227.347.255**

- Thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2017 2.841.081.662
- Thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2016 1.386.265.593

3- Các khoản phải nộp khác**1.465.936.350**

- Phí bảo vệ môi trường phải nộp 10% do tăng doanh thu áp sai giá nước khối các đơn vị HCSN năm 2016 5.740.020
- Phí bảo vệ môi trường phải nộp 10% do tăng doanh thu áp sai giá nước khối các đơn vị HCSN năm 2017 6.607.260
- Chênh lệch tiền cho thuê mặt bằng 1.453.589.070

BẢNG TÍNH THUẾ TNDN NĂM 2017 CTY CẤP NƯỚC GIA ĐỊNH

Stt	Chỉ tiêu	Số báo cáo	Số KT XD TNDN	Số kiểm toán	Chênh lệch
1	Lợi nhuận kế toán trước thuế	16.959.685.490	16.959.685.490	23.043.662.839	6.083.977.349
2	Các khoản điều chỉnh tăng thu nhập chịu thuế TNDN				-
3	Tổng thu nhập chịu thuế TNDN	16.959.685.490	16.959.685.490	23.043.662.839	6.083.977.349
a	Thu nhập chịu thuế từ hoạt động cấp nước	14.980.861.749	14.980.861.749	19.085.734.549	4.104.872.800
b	Thu của hoạt động khác	1.978.823.741	1.978.823.741	3.957.928.289	1.979.104.548
4	Tổng nguyên giá hệ thống cấp nước tại thời điểm CPH	70.833.188.084	70.833.188.084	70.833.188.084	-
5	XDCBDD từ trước thời điểm CPH đã tăng TSCĐ đến 31/12/2013	23.529.349.937	23.529.349.937	23.529.349.937	-
6	Tổng nguyên giá TSCĐ đến hiện tại	433.731.650.537	433.731.650.537	433.731.650.537	-
7	Thu nhập chịu thuế suất 5% $[ax(4+5)/6]$	14.980.861.749	3.259.232.142	4.152.287.134	(10.828.574.615)
8	Thu nhập chịu thuế suất 20% (3-7)	1.978.823.741	13.700.453.348	18.891.375.705	16.912.551.964
9	Thuế TNDN phải nộp $(7x5\% + 8x20\%)$	1.144.807.836	2.903.052.277	3.985.889.498	2.841.081.662
10	Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN (1-9)	15.814.877.654	14.056.633.213	19.057.773.341	3.242.895.687

NBN

BẢNG TÍNH THUẾ TNDN NĂM 2016 CỦA CÔNG TY CP CẤP NƯỚC GIA ĐỊNH

Đơn vị tính: Đồng

Stt	Chỉ tiêu	Số báo cáo	Trước KT	Chênh lệch
A	B		1	
1	Lợi nhuận kế toán trước thuế	14.114.596.400	14.114.596.400	
2	Các khoản điều chỉnh tăng thu nhập chịu thuế TNDN	31.123.009	31.123.009	
3	Tổng thu nhập chịu thuế TNDN	14.114.596.399	14.114.596.399	
a	<i>Thu nhập chịu thuế từ hoạt động cấp nước</i>	<i>12.215.838.785</i>	<i>12.215.838.785</i>	
b	<i>Thu của hoạt động khác</i>	<i>1.867.634.605</i>	<i>1.867.634.605</i>	
4	Tổng nguyên giá hệ thống cấp nước tại thời điểm C	70.833.188.084	70.833.188.084	
5	XDCBDD từ trước thời điểm CPH đã tăng TSCĐ đến 31/12/2013	23.529.349.937	23.529.349.937	
6	Tổng nguyên giá TSCĐ đến hiện tại	387.589.485.712	387.589.485.712	
7	Thu nhập chịu thuế suất 5% $[ax(4+5)/6]$	610.791.939	2.974.068.168	
8	Thu nhập chịu thuế suất 20% (3-7)	379.751.523	11.140.528.231	
9	Thuế TNDN phải nộp $(7x5\% + 8x20\%)$	990.543.462	2.376.809.055	1.386.265.593
10	Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN (1-9)	13.124.052.938	11.737.787.345	

BẢNG TỔNG HỢP CÔNG NỢ PHẢI THU ĐIỀU CHỈNH TĂNG DOANH THU NĂM 2017

Đơn vị tính: Đồng

STT	Mã khách	Tên khách hàng	Số tiền	Nội dung
1	KH33131	Cty TNHH MTV-Dịch vụ công ích Q.Phú Nhuận		
2	KH338826	Tổng Công ty Xây dựng số 1	12 085 456	Sửa chữa ống bê
3	KH13136	UBND Phường 14 Q.PN	14 497 145	Sửa chữa ống bê
4	KH13111	Ban QL đầu tư xây dựng công trình Q.PN	34 925 132	Sửa chữa ống bê
5	KH13221	Ban Quản lý đầu tư XDCT Quận 3	72 560 000	Sửa chữa ống bê
6	KH13209	Công ty CP Tư vấn xây dựng Việt Nhật	20 000 000	Sửa chữa ống bê
7	KH 33131	Công ty TNHH MTV Dịch vụ công ích quận Phú Nhuận	52 064 186	Sửa chữa ống bê
8	KH13217	CTY CP XÂY DỰNG VẠN THÀNH ĐẠT	50 229 180	Sửa chữa ống bê
9	KH13158	CTY TNHH XDCT HUNG VUONG	15 000 000	Sửa chữa ống bê
10	KH338929	Nguyễn Thị Liên	11 111 000	Sửa chữa ống bê
11	KH13135	UBND Phường 05 Q.PN	7 425 407	Tiền bồi thường di dời đường ống Thích Quảng Đức
		TỔNG CỘNG	289 897 506	

TỔNG HỢP DANH SÁCH HỒ SƠ GNTTTT NĂM 2017 NGHIỆM THU 2018 CS TK 154

STT		ĐƯỜNG KÍNH TK	CHIỀU DÀI TK	GIÁ TRỊ DỰ TOÁN	BIÊN BẢN NGHIỆM THU	KẾ TOÁN HT VÀO CHI PHÍ TK 6416
SCOM + CTOM + THAY ỒNG NGÁNH + HẦM ĐHT (ĐỢT) - CÔNG TRÌNH						
1	SCOM hẻm 63, 162 Nguyễn Cửu Vân phường 17, hẻm 134 Trường Sa P15, QBT	Scom Ø125	468m	1.266.581.793	Tl: 8/2/2018, ĐO 28/12/2017	499.520.566
2	SCOM hẻm 7/20 Nguyễn Văn Lạc, hẻm 300 XVNT Phường 21, hẻm 113/4/16/7 Võ Duy Ninh Phường 22 - Q.BT	scom 125	312m	982.905.824	07/02/2018	295.884.473
3	SCOM hẻm 527 Điện Biên Phủ và hẻm 178 đường D1, P25, QBT	scom 125	281m	1.176.209.406	08/02/2018 (TL), 28/02/2018 (ĐO)	303.518.768
4	SCOM hẻm 124 Ung Văn Khiêm và hẻm 492 XVNT, P25, QBT	scom 125	365m	1.052.765.254	05/02/2018 (ĐO),9/02/2018 (TL)	249.544.103
5	SCOM hẻm 168 đường D2, P25, QBT	125	640	2.010.012.439	TL: 9/2/2018, ĐO 7/3/2018	78.551.666
TỔNG				7.803.304.471		1.427.019.576

TỔNG HỢP DANH SÁCH HỒ SƠ GNTTTT NĂM 2017 CHUYỂN SANG TSCĐ

STT		ĐƯỜNG KÍNH TK	CHIỀU DÀI TK	GIÁ TRỊ DỰ TOÁN	BIÊN BẢN NGHIỆM THU	KẾ TOÁN HT VÀO CHI PHÍ TK 6416
SCOM + CTOM + THAY ỐNG NGÁNH + HẦM ĐHT (ĐỢT) - CÔNG TRÌNH						
1	SCOM hẻm 81 Nguyễn Cửu Vân Phường 17, hẻm 106 Phạm Việt Chánh phường 19, quận BT	Scom Ø180, Ø125	110m D180, 364m D125	1.504.707.894	29/12/2017	816.804.031
2	SCOM hẻm 143/3D Ung Văn Khiêm và đường D5, P25, QBT	scom 280, 180, 125	88m D280, 230m D180, 68m D125	1.355.863.198	05/02/2018 (ĐO), 09/02/2018 (TL)	443.449.528
3	SCOM đường D2 nối dài, P25, QBT	225, 280	181m D225, 48m D280	1.463.113.452	29/12/2017	473.353.264
TỔNG				5.638.514.299		1.733.606.823

BẢNG TÍNH TIỀN THUÊ ĐẤT TỪ NĂM 2014 ĐẾN 2017

Thời gian			số năm	Diện tích	số tiền thuê đất theo hợp đồng (đồng)	Số tiền thuê đất phải nộp theo đơn giá thuê đất trả tiền hàng năm
02/06/14	02/06/17	1.096	3,00	906	2.592.000.000	1.268.110.080
03/06/17	31/12/17	211	0,60	906	598.214.400	468.515.250
Tổng tiền					3.190.214.400	1.736.625.330
Chênh lệch						1.453.589.070
Nộp NSNN do cho đơn vị khác thuê lại						1.453.589.070

BẢNG KÊ CHI TIẾT SỐ LIỆU ĐIỀU CHỈNH DO ĐƠN VỊ ÁP SAI ĐƠN GIÁ BÁN NĂM 2016

STT	Danh bạ	Khách hàng	Tiêu thụ	Thành tiền	5% GTGT	10%BVMT	TTCL
3	12082941311	CONG DOAN CAO SU VIET NAM	413	2.725.800	136.290	272.580	3.134.670
4	12092769850	CONG TY TNHH MOT THANH VIEN CONG VIEN CAY XANH THANH PHO HO CHI MINH	216	1.425.600	71.280	142.560	1.639.440
5	12092769925	CONG TY TNHH MOT THANH VIEN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUAN PHU NHUAN	1.588	10.480.800	524.040	1.048.080	12.052.920
6	14121870219	CONG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUAN BINH THANH	317	2.092.200	104.610	209.220	2.406.030
7	14163216792	CTY DỊCH VỤ CÔNG ÍCH	79	521.400	26.070	52.140	599.610
8	14131916995	CTY DV C/ICH Q.BT	69	455.400	22.770	45.540	523.710
9	14011112400	CTY DV CÔNG ÍCH	634	4.184.400	209.220	418.440	4.812.060
10	14265231673	CTY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH TNXP	333	2.197.800	109.890	219.780	2.527.470
11	14121815270	CTY TNHH MTV DV CÔNG ÍCH Q BT	11	72.600	3.630	7.260	83.490
12	14142155300	CTY TNHH MTV DV CÔNG ÍCH Q BT	308	2.032.800	101.640	203.280	2.337.720
13	14091530075	CTY TNHH MTV DV CÔNG ÍCH Q.BINH THANH	179	1.181.400	59.070	118.140	1.358.610
14	14131911135	TR.TRUNG CAP NGHE CN VA XD FICO	854	5.636.400	281.820	563.640	6.481.860
15	14131911142	TR.TRUNG CAP NGHE CN VA XD FICO	2.130	14.058.000	702.900	1.405.800	16.166.700
18	12152505640	TRUNG TAM KIEM DỊCH Y TE QUOC TE	800	5.280.000	264.000	528.000	6.072.000
19	14193936190	TRUONG DAI HOC TON DUC THANG	345	2.277.000	113.850	227.700	2.618.550
20	14101556028	TRUONG DAI HOC VAN LANG	356	2.349.600	117.480	234.960	2.702.040
23	12092800116	TONG CTY MIEN DONG	65	429.000	21.450	42.900	493.350
Tổng cộng				57.400.200	2.870.010	5.740.020	66.010.230

BẢNG KÊ CHI TIẾT SỐ LIỆU ĐIỀU CHỈNH DO ĐƠN VỊ ÁP SAI ĐƠN GIÁ BÁN NĂM 2017

STT	Danh bạ	Họ tên	Tiêu thụ	TTCL	5% GTGT	10% BVMT	TT CL	
3	12092769850	CONG TY TNHH MOT THANH VIEN CONG VIEN CAY XANH THANH PHO HO CHI MINH	309	2.039.400	101.970	203.940	2.345.310	
4	12092769925	CONG TY TNHH MOT THANH VIEN DỊCH VỤ CONG ICH QUAN PHU NHUAN	1.960	12.936.000	646.800	1.293.600	14.876.400	
5	14121870219	CONG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CONG ICH QUAN BINH THANH	2.236	14.757.600	737.880	1.475.760	16.971.240	
6	14163216792	CTY DỊCH VỤ CONG ICH	151	996.600	49.830	99.660	1.146.090	
7	14131916995	CTY DV C/ICH Q.BT	85	561.000	28.050	56.100	645.150	
8	14285610718	CTY TNHH MTV DỊCH VỤ CONG ICH Q.BT	212	1.399.200	69.960	139.920	1.609.080	
9	14265231673	CTY TNHH MTV DỊCH VỤ CONG ICH TNXP	472	3.115.200	155.760	311.520	3.582.480	
10	14121815270	CTY TNHH MTV DV CONG ICH Q BT	23	151.800	7.590	15.180	174.570	
11	14142155300	CTY TNHH MTV DV CONG ICH Q BT	324	2.138.400	106.920	213.840	2.459.160	
12	14091530075	CTY TNHH MTV DV CONG ICH Q.BINH THANH	513	3.385.800	169.290	338.580	3.893.670	
18	14193936190	TRUONG DAI HOC TON DUC THANG	3.726	24.591.600	1.229.580	2.459.160	28.280.340	
TỔNG CỘNG					66.072.600	3.303.630	6.607.260	75.983.490

